

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Định hướng Ứng dụng
Ngành: Khoa học y sinh
Mã số: 8720101

1. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 05 TÍN CHỈ (TC).

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Triết học	3	3	0	BM KHXH-NV
2.	Ngoại ngữ	2	2	0	BM ngoại ngữ

2. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 08 TÍN CHỈ.

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Sinh học phân tử	2	2	0	TT Y sinh học phân tử
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0	BM Y đức
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	TT Giáo dục y học
4.	Thống kê y học	2	1	1	BM Thống kê Y học

3. PHẦN KIẾN THỨC NGÀNH: 35 TÍN CHỈ.

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
Phần bắt buộc: 10 TC					
1.	Giải phẫu đại cương	3	3	0	BM Giải phẫu học
2.	Sinh lý đại cương	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
3.	An toàn sinh học	2	1	1	BM Vi sinh – Ký sinh
4.	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	1	1	BM Vi sinh – Ký sinh
Phần tự chọn: 25 TC					
Học viên chọn tối thiểu 16 tín chỉ tự chọn thuộc đúng chuyên ngành dự tuyển					
Phần tự chọn 1: Giải phẫu học					
1.	Giải phẫu định khu chi trên - chi dưới	4	4	0	BM Giải phẫu học
2.	Giải phẫu định khu vùng đầu cổ	4	4	0	BM Giải phẫu học
3.	Giải phẫu ngực	4	2	2	BM Giải phẫu học
4.	Giải phẫu bụng	4	2	2	BM Giải phẫu học
5.	Giải phẫu thần kinh	5	3	2	BM Giải phẫu học
6.	Các kỹ thuật trong giải phẫu	4	2	2	BM Giải phẫu học
Phần tự chọn 2: Sinh lý học					
1.	Sinh lý máu LT	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
2.	Sinh lý hệ tim mạch LT	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
3.	Sinh lý hệ hô hấp LT	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
4.	Sinh lý hệ tiêu hóa	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
5.	Sinh lý hệ thận niệu	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
6.	Sinh lý hệ nội tiết – sinh sản LT	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
7.	Sinh lý hệ thần kinh	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
8.	Sinh lý sinh trưởng và phát triển	4	4	0	BM Sinh lý – SLB MD



TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
Phần tự chọn 3: Hóa sinh học					
1.	Hóa sinh y học	2	2	0	BM Hoá sinh
2.	Hóa sinh lâm sàng I	5	3	2	BM Hoá sinh
3.	Hóa sinh lâm sàng II	5	3	2	BM Hoá sinh
4.	Kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh Y học	4	1	3	BM Hoá sinh
5.	Kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh lâm sàng	4	1	3	BM Hoá sinh
6.	Đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng	5	2	3	BM Hoá sinh
Phần tự chọn 4: Mô phôi – Di truyền học					
1.	Mô học cơ quan	3	2	1	BM Mô Phôi – GPB
2.	Phôi thai học cơ quan	3	3	0	BM Mô Phôi – GPB
3.	Tế bào gốc và các ứng dụng trong y học	4	3	1	BM Mô Phôi – GPB
4.	Di truyền học lâm sàng	3	3	0	BM Mô Phôi – GPB
5.	Di truyền học phân tử	3	2	1	BM Mô Phôi – GPB
6.	Mô và vật liệu ghép	3	2	1	BM Mô Phôi – GPB
7.	Kỹ thuật vi thể và ứng dụng	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
8.	Kỹ thuật nhuộm sắc thể đồ	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
9.	Kỹ thuật lai tại chỗ	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
Phần tự chọn 5: Ký sinh trùng y học					
1.	Ký sinh trùng trong y học cộng đồng	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
2.	Tiết túc y học	3	1	2	BM Vi sinh – Ký sinh
3.	Huyết học ký sinh trùng	3	1	2	BM Vi sinh – Ký sinh
4.	Vi nấm y học	3	1	2	BM Vi sinh – Ký sinh
5.	Bệnh đơn bào cơ hội	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
6.	Tăng bạch cầu toan tính trong bệnh ký sinh trùng	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
7.	Ký sinh trùng trong y học lâm sàng	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
8.	Bệnh động vật ký sinh	3	3	0	BM Vi sinh – Ký sinh
Phần tự chọn 6: Vi sinh y học					
1.	Các vi khuẩn gây bệnh phần 1: Staphylococci, Streptococci, Neisseria, trực khuẩn đường ruột, trực khuẩn Gram âm không lên men	4	2	2	BM Vi sinh – Ký sinh
2.	Các vi khuẩn gây bệnh phần 2: Helicobacter, vi khuẩn kỵ khí, Mycobacteria, xoắn khuẩn	4	2	2	BM Vi sinh – Ký sinh
3.	Các virus gây bệnh phần 1: ARBO, MYXO, viêm gan, SARS-CoV-2	4	2	2	BM Vi sinh – Ký sinh
4.	Các virus gây bệnh phần 2: Virus Adeno, Rota, Picorna, Herpes, HIV/AIDS	4	2	2	BM Vi sinh – Ký sinh
5.	Quy trình xét nghiệm vi sinh lâm sàng các loại bệnh phẩm: máu, hô hấp, nước tiểu, phân, mủ, dịch.	4	2	2	BM Vi sinh – Ký sinh
Phần tự chọn 7: Giải phẫu bệnh					
- (*): HP bắt buộc					
- (**): HP tự chọn. HV chọn 4 HP trong tổng số 12 HP tự chọn					
1.	Bệnh học đại cương (*)	2	2	0	BM Mô Phôi – GPB
2.	Kỹ thuật giải phẫu bệnh - Ứng dụng sinh học phân tử trong chẩn đoán giải phẫu bệnh (*)	3	2	1	BM Mô Phôi – GPB

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
3.	Bệnh học tế bào - kỹ thuật FNA (*)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
4.	Bệnh học đầu cổ - Tuyến giáp (*)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
5.	Bệnh học đường hô hấp dưới (*)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
6.	Bệnh học ống tiêu hóa (*)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
7.	Bệnh học tuyến vú (*)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
8.	Bệnh học hạch lymphô (*)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
9.	Bệnh học hệ sinh dục nữ (*)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
10.	Bệnh học gan, mật, tụy (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
11.	Bệnh học hệ nội tiết (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
12.	Bệnh học hệ thần kinh trung ương (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
13.	Bệnh học hệ tiết niệu (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
14.	Bệnh học hệ sinh dục nam (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
15.	Bệnh học xương, khớp và phần mềm (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
Phần tự chọn 8: Miễn dịch – Sinh lý bệnh					
1.	Miễn dịch bẩm sinh	4	4	0	BM Sinh lý – SLB MD
2.	Miễn dịch thích nghi	4	4	0	BM Sinh lý – SLB MD
3.	Miễn dịch chống vi sinh vật và ứng dụng của vắc-xin	4	4	0	BM Sinh lý – SLB MD
4.	Bệnh lý quá mẫn cảm và rối loạn miễn dịch	4	4	0	BM Sinh lý – SLB MD
5.	Xét nghiệm dị ứng và miễn dịch	4	3	1	BM Sinh lý – SLB MD

4. PHẦN THỰC TẬP: 06 TÍN CHỈ.

(Học viên đăng ký phần thực tập đúng chuyên ngành)

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
Giải phẫu học					
1.	Thực hành phẫu tích chi trên	2	0	2	BM Giải phẫu học
2.	Thực hành phẫu tích chi dưới	2	0	2	BM Giải phẫu học
3.	Thực hành phẫu tích đầu cổ	2	0	2	BM Giải phẫu học
Sinh lý học					
1.	Thăm dò chức năng 1	3	0	3	BM Sinh lý – SLB MD
2.	Thăm dò chức năng 2	3	0	3	BM Sinh lý – SLB MD
Hóa sinh y học					
1.	Thực tập xét nghiệm hoá sinh cơ bản	3	0	3	BM Hoá sinh
2.	Thực tập xét nghiệm hoá sinh miễn dịch	3	0	3	BM Hoá sinh
Mô phôi – Di truyền học					
1.	Kỹ năng tư vấn di truyền	2	0	2	BM Mô phôi – GPB
2.	Kỹ năng nuôi cấy và biệt hóa tế bào	2	0	2	BM Mô phôi – GPB
3.	Kỹ năng nhuộm đặc biệt	2	0	2	BM Mô phôi – GPB
Vi sinh y học					
1.	Các quy trình thực hành vi sinh tại bệnh viện (BV ĐHYD TP. HCM, BV Chợ Rẫy, Viện Pasteur TP. HCM...)	4	0	4	BM Vi sinh – Ký sinh
2.	Chẩn đoán lao và lao kháng thuốc, kháng sinh đồ vi khuẩn lao	2	0	2	BM Vi sinh – Ký sinh
Ký sinh trùng y học					
1.	Ký sinh trùng trong y học lâm sàng	3	0	3	BM Vi sinh – Ký sinh
2.	Bệnh động vật ký sinh	3	0	3	BM Vi sinh – Ký sinh
3.	Bệnh vi nấm cơ hội	3	0	3	BM Vi sinh – Ký sinh

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
Giải phẫu bệnh					
1.	Chọc hút tế bào bằng kim nhỏ	2	0	2	BM Mô phôi – GPB
2.	Xử lý đại thể bệnh phẩm tươi	2	0	2	BM Mô phôi – GPB
3.	Kỹ thuật cắt lạnh và tư vấn trong phẫu thuật	2	0	2	BM Mô phôi – GPB
Miễn dịch – Sinh lý bệnh					
1.	Xét nghiệm dị ứng	3	0	3	BM Sinh lý – SLB MD
2.	Xét nghiệm miễn dịch	3	0	3	BM Sinh lý – SLB MD

5. ĐỀ ÁN: 06 TÍN CHỈ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Hoàng Bắc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Định hướng Nghiên cứu

Ngành: Khoa học y sinh

Mã số: 8720101

1. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 05 TÍN CHỈ (TC).

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Triết học	3	3	0	BM KHXH-NV
2.	Ngoại ngữ	2	2	0	BM ngoại ngữ

2. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 08 TÍN CHỈ.

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Sinh học phân tử	2	2	0	TT Y sinh học phân tử
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0	BM Y đức
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	TT Giáo dục y học
4.	Thống kê y học	2	1	1	BM Thống kê Y học

3. PHẦN KIẾN THỨC NGÀNH: 23 TÍN CHỈ.

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
Phần bắt buộc: 08 TC					
1.	Giải phẫu đại cương	3	3	0	BM Giải phẫu học
2.	Sinh lý đại cương	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
3.	An toàn sinh học và Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
Phần tự chọn: 15 TC					
Trong đó: Học viên chọn tối thiểu 10 tín chỉ tự chọn thuộc đúng chuyên ngành dự tuyển					
Phần tự chọn 1: Giải phẫu học (19 TC)					
1.	Giải phẫu định khu chi trên - chi dưới	4	2	2	BM Giải Phẫu học
2.	Giải phẫu định khu vùng đầu cổ	4	2	2	BM Giải Phẫu học
3.	Giải phẫu ngực	3	2	1	BM Giải Phẫu học
4.	Giải phẫu bụng	4	2	2	BM Giải Phẫu học
5.	Giải phẫu thần kinh	4	2	2	BM Giải Phẫu học
Phần tự chọn 2: Sinh lý học (15 TC)					
1.	Sinh lý máu	3	2	1	BM Sinh lý – SLB MD
2.	Sinh lý hệ tim mạch	4	3	1	BM Sinh lý – SLB MD
3.	Sinh lý hệ hô hấp	4	3	1	BM Sinh lý – SLB MD
4.	Sinh lý hệ nội tiết – sinh sản	4	3	1	BM Sinh lý – SLB MD
Phần tự chọn 3: Hóa sinh Y học (15 TC)					
1.	Hóa sinh y học	2	0	0	BM Hoá sinh
2.	Hóa sinh lâm sàng I	4	3	1	BM Hoá sinh
3.	Hóa sinh lâm sàng II	4	3	1	BM Hoá sinh
4.	Kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh Y học	1	0	1	BM Hoá sinh
5.	Kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh lâm sàng	2	1	1	BM Hoá sinh

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
6.	Đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng	2	1	1	BM Hoá sinh
Phần tự chọn 4: Mô phôi – Di truyền (25 TC)					
1.	Mô học cơ quan	3	2	1	BM Mô Phôi – GPB
2.	Phôi thai học cơ quan	3	3	0	BM Mô Phôi – GPB
3.	Tế bào gốc và các ứng dụng trong y học	4	3	1	BM Mô Phôi – GPB
4.	Di truyền học lâm sàng	3	3	0	BM Mô Phôi – GPB
5.	Di truyền học phân tử	3	2	1	BM Mô Phôi – GPB
6.	Mô và vật liệu ghép	3	2	1	BM Mô Phôi – GPB
7.	Kỹ thuật vi thể và ứng dụng	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
8.	Kỹ thuật nhuộm sắc thể đồ	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
9.	Kỹ thuật lai tại chỗ	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
Phần tự chọn 5: Ký sinh trùng Y học (20 TC)					
1.	Ký sinh trùng trong y học cộng đồng	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
2.	Tiết túc y học	3	1	2	BM Vi sinh – Ký sinh
3.	Huyết học ký sinh trùng	3	1	2	BM Vi sinh – Ký sinh
4.	Vi nấm y học	3	1	2	BM Vi sinh – Ký sinh
5.	Bệnh đơn bào cơ hội	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
6.	Tăng bạch cầu toan tính trong bệnh ký sinh trùng	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
Phần tự chọn 6: Vi sinh Y học (15 TC)					
1.	Các vi khuẩn gây bệnh phần 1: Staphylococci, Streptococci, Neisseria, trực khuẩn đường ruột, trực khuẩn Gram âm không lên men	2	1	1	BM Vi sinh – Ký sinh
2.	Các vi khuẩn gây bệnh phần 2: Helicobacter, vi khuẩn kỵ khí, Mycobacteria, xoắn khuẩn	2	1	1	BM Vi sinh – Ký sinh
3.	Các virus gây bệnh phần 1: ARBO, MYXO, viêm gan, SARS-CoV-2	2	1	1	BM Vi sinh – Ký sinh
4.	Các virus gây bệnh phần 2: Virus Adeno, Rota, Picorna, Herpes, HIV/AIDS	2	1	1	BM Vi sinh – Ký sinh
5.	Chẩn đoán lao và lao kháng thuốc, kháng sinh đồ vi khuẩn lao	2	0	2	BM Vi sinh – Ký sinh
6.	Các quy trình thực hành vi sinh tại bệnh viện (BV ĐHYD TP. HCM, BV Chợ Rẫy, Viện Pasteur TP. HCM...)	5	0	5	BM Vi sinh – Ký sinh
Phần tự chọn 7: Giải phẫu bệnh					
- (*): HP bắt buộc					
- (**): HP tự chọn. HV chọn 4 HP trong tổng số 12 HP tự chọn					
1.	Bệnh học đại cương (*)	2	2	0	BM Mô Phôi – GPB
2.	Kỹ thuật giải phẫu bệnh - Ứng dụng sinh học phân tử trong chẩn đoán giải phẫu bệnh (*)	3	2	1	BM Mô Phôi – GPB
3.	Bệnh học tế bào - kỹ thuật FNA (*)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
4.	Bệnh học đầu cổ - Tuyến giáp (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
5.	Bệnh học đường hô hấp dưới (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
6.	Bệnh học hệ tiêu hóa (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
7.	Bệnh học gan, mật, tụy (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
8.	Bệnh học tuyến vú (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
9.	Bệnh học hạch lymphô (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
10.	Bệnh học hệ sinh dục nữ (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
11.	Bệnh học hệ nội tiết (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
12.	Bệnh học hệ thần kinh trung ương (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
13.	Bệnh học hệ tiết niệu (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
14.	Bệnh học hệ sinh dục nam (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
15.	Bệnh học xương, khớp và phần mềm (**)	2	1	1	BM Mô Phôi – GPB
Phần tự chọn 8: Miễn dịch – Sinh lý bệnh (32TC)					
1.	Miễn dịch bẩm sinh	4	4	0	BM Sinh lý – SLB MD
2.	Miễn dịch thích nghi	4	4	0	BM Sinh lý – SLB MD
3.	Miễn dịch chống vi sinh vật và ứng dụng của vắc-xin	4	4	0	BM Sinh lý – SLB MD
4.	Bệnh lý quá mẫn cảm và rối loạn miễn dịch	4	4	0	BM Sinh lý – SLB MD
5.	Xét nghiệm dị ứng và miễn dịch	4	4	0	BM Sinh lý – SLB MD
6.	Bệnh lý tự miễn	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
7.	Bệnh lý suy giảm miễn dịch	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
8.	Quá mẫn cảm và bệnh lý dị ứng	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
9.	Vắc-xin và ứng dụng	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD

4. PHẦN CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU: 12 TÍN CHỈ.

(Học viên thực hiện chuyên đề nghiên cứu đúng chuyên ngành)

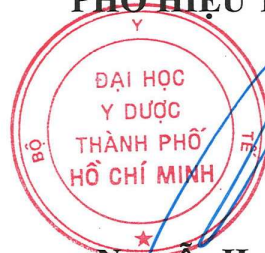
TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
Chuyên đề Giải phẫu học					
1.	Giải phẫu lâm sàng tiểu não	3	3	0	BM Giải Phẫu học
2.	Giải phẫu lâm sàng tim và mạch vành	3	3	0	BM Giải Phẫu học
3.	Giải phẫu lâm sàng hệ nội tiết	3	3	0	BM Giải Phẫu học
4.	Giải phẫu lâm sàng hạch bạch huyết đầu cổ	3	3	0	BM Giải Phẫu học
Chuyên đề Sinh lý học					
1.	Sinh lý hệ tiêu hóa	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
2.	Sinh lý hệ thận niệu	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
3.	Sinh lý hệ thần kinh	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
4.	Sinh lý sơ sinh và sinh trưởng	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
Chuyên đề Hóa sinh y học					
1.	Các nguyên lý hoạt động của phòng xét nghiệm hoá sinh	3	3	0	BM Hoá sinh
2.	Kỹ thuật và thiết bị phân tích	3	3	0	BM Hoá sinh
3.	Hóa sinh các tuyến nội tiết	3	3	0	BM Hoá sinh
4.	Hóa sinh thai kỳ và sơ sinh	3	3	0	BM Hoá sinh
Chuyên đề Mô phôi – Di truyền học					
1.	Ngoại di truyền y học	3	3	0	BM Mô phôi – GPB
2.	Tìm hiểu về đột biến gen trong một số bệnh di truyền thường gặp	3	3	0	BM Mô phôi – GPB
3.	Chẩn đoán trước sinh trong kỷ nguyên hệ gene	3	3	0	BM Mô phôi – GPB
4.	Công nghệ mô trong y học tái tạo	3	3	0	BM Mô phôi – GPB
Chuyên đề Vi sinh y học					

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Nhiễm khuẩn đường hô hấp	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
2.	Nhiễm khuẩn đường tiêu	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
3.	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
4.	Nhiễm khuẩn đường tiêu tiêu hóa	2	2	0	BM Vi sinh – Ký sinh
5.	Nhiễm khuẩn hệ thần kinh trung ương	1	1	0	BM Vi sinh – Ký sinh
6.	Nhiễm khuẩn da, cơ, khớp, xương và nhiễm khuẩn huyết	1	1	0	BM Vi sinh – Ký sinh
7.	Nhiễm khuẩn bệnh viện	1	1	0	BM Vi sinh – Ký sinh
8.	Các vi sinh vật trong ghép tạng	1	1	0	BM Vi sinh – Ký sinh
Chuyên đề Ký sinh trùng y học					
1.	Ký sinh trùng trong y học lâm sàng	3	3	0	BM Vi sinh – Ký sinh
2.	Bệnh động vật ký sinh	3	3	0	BM Vi sinh – Ký sinh
3.	Bệnh vi nấm cơ hội	3	3	0	BM Vi sinh – Ký sinh
4.	Phân học ký sinh trùng	3	3	0	BM Vi sinh – Ký sinh
Chuyên đề Giải phẫu bệnh					
1.	Ứng dụng hóa mô miễn dịch trong chẩn đoán giải phẫu bệnh	3	3	0	BM Mô phôi – GPB
2.	Bệnh học phân tử trong bệnh lý ung thư	3	3	0	BM Mô phôi – GPB
3.	Những thay đổi trong thực hành giải phẫu bệnh ở kỷ nguyên y học chính xác	3	3	0	BM Mô phôi – GPB
4.	Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm giải phẫu bệnh	3	3	0	BM Mô phôi – GPB
Chuyên đề Miễn dịch – Sinh lý bệnh					
1.	Bệnh lý tự miễn	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
2.	Bệnh lý suy giảm miễn dịch	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
3.	Quá mẫn cảm và bệnh lý dị ứng	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD
4.	Vắc-xin và ứng dụng	3	3	0	BM Sinh lý – SLB MD

5. LUẬN VĂN: 12 TÍN CHỈ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc